ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU KIÊN HẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 241 /KH-UBND	*Kiên Hải, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn đặc khu Kiên Hải

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 559 /KH-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2026 của UBND đặc khu Kiên Hải về việc đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn đặc khu Kiên Hải giai đoạn 2026 – 2030.

Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn đặc khu Kiên Hải, cụ thể như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp theo hướng phân tầng, hiện đại và gắn với nhu cầu thị trường; trong đó tập trung đào tạo nâng cao, chuyên sâu cho lao động trọng tâm là các lĩnh vực kinh tế biển, du lịch, logistics, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số hợp tác xã, tổ hợp tác, để hình thành lên lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn

- Giai đoạn 2026 - 2030 đào tạo khoảng 750 lao động.

- Hàng năm đào tạo khoảng 150 lao động nông nghiệp.

- Trình độ đào tạo với các hình thức đa dạng (trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác); trong đó đào tạo nghề phi nông nghiệp, nghề nông nghiệp và phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với điều kiện địa phương, từng bước liên kết với chương trình, đề án, dự án trọng điểm.

- Bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của Chương trình, từng bước chuẩn hóa quy trình sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đồng thời tích hợp kỹ năng số cơ bản và kỹ năng tổ chức sản xuất, tiêu thụ.

- Tỷ lệ lao động áp dụng kiến thức vào thực tiễn, duy trì, mở rộng sản xuất hoặc có việc làm sau đào tạo đạt trên 85%.

b) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại.

- Nâng cao quy mô và chất lượng đào tạo, đến 2030 tỷ lệ người lao động đang làm việc qua đào tạo đạt 80%, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 72,5% để hình thành đội ngũ nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại, vùng sản xuất quy hoạch tập trung của đặc khu để tạo nguồn nhân lực phục vụ các chương trình, đề án, dự án trọng điểm.

- Sau đào tạo, trên 85% học viên áp dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh; trên 70% tham gia liên kết sản xuất, chuỗi giá trị hoặc ứng dụng công nghệ số, đổi mới phương thức quản trị và tổ chức sản xuất.

3. Đối tượng thực hiện

a) Đối tượng thụ hưởng đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn

- Người lao động khu vực nông thôn là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên có nhu cầu học nghề, làm việc và nâng cao kỹ năng trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

- Lao động trong các chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.

- Thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, cán bộ quản lý, điều hành hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp.

- Ưu tiên người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân tộc thiểu số.

b) Đội ngũ tham gia đào tạo, bồi dưỡng

Nhà giáo, nông dân, cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, cán bộ kỹ thuật, người dạy nghề, cán bộ, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

c) Cơ sở tham gia đào tạo

Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, học viện, trường, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo nghề và đào tạo nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp.

d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức quốc tế và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực.

II. Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Đối với đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn

a) Quy mô đào tạo: khoảng 150 lao động/năm, phấn đấu đến năm 2030 đào tạo khoảng 750 lao động (*Số lượng lao động đào tạo là bộ phận trong tổng chỉ tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được xác định tại Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 17/9/2026 của UBND đặc khu*).

b) Trình độ, hình thức đào tạo

- Trình độ: trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác

- Hình thức: Trực tiếp hoặc kết hợp trực tuyến, gắn với thực hành tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, tại các địa bàn.

c) Định hướng lựa chọn nghề và nội dung đào tạo:

- Gắn đào tạo với chương trình, đề án, dự án của ngành và đặc khu; ưu tiên đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, hợp tác xã. Khuyến khích mô hình "cầm tay chỉ việc", đào tạo tại chỗ, đào tạo theo chuỗi giá trị.

- Nghề nông nghiệp theo lĩnh vực, ngành hàng, vùng sinh thái và sản phẩm chủ lực của địa phương, ưu tiên các nghề trọng tâm là các lĩnh vực kinh tế biển, du lịch, logistics, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số có thế mạnh ở đặc khu; các nghề sơ chế, bảo quản, chế biến thủy sản…

- Nghề gắn với kỹ năng tổ chức sản xuất, sử dụng vật tư, thiết bị, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; kỹ năng tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Nghề sản xuất nông nghiệp theo các quy trình tiên tiến, hiện đại, bền vững, thực hành sản xuất nông nghiệp xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; đào tạo về kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, quản lý và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển nông nghiệp xanh, tín chỉ carbon và thích ứng biến đổi khí hậu nhằm phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp bền vững và cam kết giảm phát thải của tỉnh.

- Các nghề kỹ năng vận hành, sử dụng, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ trong sản xuất, logistics, công nghệ phù hợp phục vụ sản xuất, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và chuỗi giá trị.

- Ngành nghề nông thôn, thủ công mỹ nghệ, nghề gắn với bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề truyền thống chế biến nông sản, dịch vụ ngư nghiệp, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP và sinh kế bền vững.

- Các nghề khác phù hợp với định hướng phát triển, nhu cầu sản xuất nông nghiệp của các địa bàn.

2. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại

a) Quy mô đào tạo: đến năm 2030 tỷ lệ người lao động đang làm việc qua đào tạo đạt 80%, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 72,5%.

b) Hình thức, thời gian đào tạo

- Hình thức: Tổ chức tham gia theo thông báo chiêu sinh của các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, hợp tác xã, Viện, Trường hoặc mời Viện, Trường đào tạo gắn với chương trình, dự án, hoạt động sản xuất.

- Thời gian: Thời gian đào tạo khoá học theo chương trình quy định.

3. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, học liệu và nền tảng đào tạo

- Tổ chức khảo sát xác định danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đặc khu; xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn theo từng nghề, địa bàn (số lượng, ngành nghề đào tạo) của các địa bàn, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp,... để rà soát nhu cầu, danh mục các nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của người học.

- Rà soát, xây dựng và cập nhật định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ đào tạo các nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn theo quy định và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Chú trọng nghề các lĩnh vực kinh tế biển, du lịch, logistics, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số đặc thù phục vụ phát triển kinh tế.

- Tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ phụ trách, tham gia công tác đào tạo nghề các cấp nhằm nắm bắt kịp thời những chủ trương, chính sách và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh về đào tạo nghề nông nghiệp và nâng cao năng lực quản lý công tác đào tạo tại địa bàn đặc khu.

4. Điều tra, xác định nhu cầu và đặt hàng đào tạo

- Tổ chức khảo sát, cập nhật nhu cầu đào tạo theo nhu cầu thực tiễn của từng địa bàn của đặc khu.

5. Giám sát, đánh giá, truyền thông và nhân rộng mô hình

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát. Hàng năm, xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát theo định kỳ và đột xuất công tác đào tạo nghề trên địa bàn qua đó phát hiện và xử lý kịp thời những thiếu sót, sai phạm trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức khảo sát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp thông qua số lượng lao động ứng dụng nghề đã học vào sản xuất, hiệu quả sản xuất trước và sau học nghề; đồng thời đề xuất giải pháp có hiệu quả để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

- Thực hiện sơ, tổng kết, đánh giá hiệu quả theo từng giai đoạn; tổng hợp, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hiệu quả và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đẩy mạnh thông tin, truyền thông về mục tiêu, nội dung, kết quả thực hiện Kế hoạch; tuyên truyền các mô hình hiệu quả, điển hình tiên tiến, nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, cán bộ quản trị hợp tác xã tiêu biểu.

- Nhân rộng mô hình đào tạo hiệu quả, mô hình liên kết giữa cơ sở đào tạo - hợp tác xã - doanh nghiệp - người dân; thúc đẩy lan tỏa các phương thức đào tạo thiết thực, sáng tạo và phù hợp với từng vùng, miền.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước, trong đó nguồn chủ yếu từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 (giai đoạn I: 2026-2030),

- Ngân sách địa phương, bảo đảm kinh phí tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo nghề nông nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của đặc khu.

- Nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác, bao gồm đóng góp của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân; nguồn viện trợ, tài trợ, hợp tác công tư (PPP) và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

Sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; ưu tiên thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo gắn với nhu cầu thực tế và kết quả đầu ra, tập trung cho các vùng nguyên liệu, ngành hàng chủ lực, chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành.

3. Nội dung và định mức chi

Nội dung chi, mức hỗ trợ, cơ chế quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính và các văn bản quy định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá - Xã hội đặc khu

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, tổ địa bàn rà soát tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề, danh mục nghề và nội dung đào tạo trên cơ sở định hướng phát triển ngành nghề nông thôn, nhu cầu của từng địa bàn, doanh nghiệp, hợp tác xã và người lao động hằng năm, giai đoạn để tổng hợp báo cáo UBND đặc khu xem xét.

- Phối hợp với các ngành, tổ địa bàn tổ chức triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp trong các chương trình, dự án và các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn; đồng thời phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Phối hợp với các trường đào tạo nghề của tỉnh, các sở ban ngành tỉnh trong việc tổ chức, hướng dẫn triển khai đào tạo nghề theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu đề xuất, xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào hoạt động đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh. Phối hợp thúc đẩy hạ tầng Internet băng rộng cố định, di động và 5G tại đặc khu, các địa bàn nhằm hỗ trợ phục vụ chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp.

- Phối hợp tham mưu thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định và trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hàng năm, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch gửi Phòng kinh tế tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu xem xét, bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án và huy động nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu, và các sở, ban ngành tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Phòng Kinh tế đặc khu

- Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí của phòng Văn hoá – xã hội, theo khả năng cân đối ngân sách và chế độ, định mức chi theo quy định, tham mưu Ủy ban nhân dân nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật và phân cấp Luật Ngân sách nhà nước.

- Phối hợp tư vấn phát triển các chuỗi giá trị nông sản hàng hoá gắn với liên kết sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, hỗ trợ các hợp tác xã chuyển đổi số trong quản lý nội bộ, kết nối cung cầu và ký kết hợp đồng liên kết bao tiêu nông sản với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi cung ứng đưa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trong và ngoài nước (nếu có).

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý kinh doanh, tài chính, quản trị rủi ro cho ban giám đốc, kế toán và kiểm soát viên hợp tác xã.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, hợp tác xã chuyển đổi số.

3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đặc khu

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương về giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề, việc làm và phát triển nguồn nhân lực.

- Phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan, hội đoàn thể tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, vận động người dân tham gia học nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp và phát triển sinh kế cho người dân.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam đặc khu và các tổ chức chính trị - xã hội đặc khu

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đề nghị các phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về đào tạo nghề vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và người lao động tham gia đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đặc khu.

- Phát động các phong trào thi đua "Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi", Chủ trì tuyên truyền, khơi dậy tinh thần tự học, thay đổi tư duy từ "sản xuất nông nghiệp" sang "kinh tế nông nghiệp", tích cực tham gia vào lực lượng nông dân số và kinh tế tập thể.

- Phối hợp bình chọn, tôn vinh và hỗ trợ các mô hình "Nông dân số xuất sắc", "Nông dân chuyên nghiệp" tiêu biểu để tạo tính lan tỏa trong cộng đồng.

- Trực tiếp tham gia vận động, thành lập mới và củng cố các tổ hợp tác, chi/tổ hội nông dân nghề nghiệp hoạt động hiệu quả theo mô hình hiện đại.

5. Tổ trưởng tổ địa bàn và Ban nhân dân các ấp

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn; xác định công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn là một trong những đột phá chiến lược, thực hiện tốt công tác rà soát, thống kê nhu cầu đào tạo của người dân để huy động tham gia học nghề. Trong đó, ưu tiên và khuyến khích đối với các đối tượng là thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác đang thực hiện chương trình liên kết sản xuất; nông dân đang tham gia chuyển đổi ngành, nghề; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất về giảm nghèo bền vững.

- Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn thông qua các cuộc họp dân, sinh hoạt tổ nhân dân tự quản, tuyên truyền trực tiếp đến hộ gia đình.

6. Các Doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức liên quan

Chủ động cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo, bao gồm số lượng, ngành nghề, vị trí việc làm, tiêu chuẩn kỹ năng, mức lương và điều kiện làm việc theo từng thời kỳ để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp. Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học sinh, sinh viên thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

7. Đề nghị phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Kiên Hải

Thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với lao động nông thôn sau đào tạo nghề nông nghiệp để giải quyết việc làm hoặc cho vay vốn để khởi nghiệp từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn vốn từ các chương trình phù hợp khác theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn đặc khu Kiên Hải. Ủy ban nhân dân đặc khu đề nghị các cơ quan, đơn vị chức triển khai thực hiện, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu để tổng hợp, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh An Giang;
- TT. Đảng ủy đặc khu;
- TT. HĐND đặc khu;
- TT. UBND đặc khu;
- TT UB. MTTQ VN đặc khu;
- Các phòng, ban, ngành có liên quan;
- Các Tổ địa bàn;
- Ban nhân dân các ấp;
- Lưu: VT, PVHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D ĐẶC KHU KIÊN HẢI T. AN GIANG

Lê Minh Trị